

Số: 94 /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý
nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4276/TTr-SXD ngày 28 tháng 5 năm 2026 và Văn bản số 4431/SXD-QLN&HTKT ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Sở Xây dựng,

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Các Quyết định: Số 07/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên (*trước sáp nhập*) ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 22/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn (*trước sáp nhập*) ban hành Quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Điều 1 Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn (*trước sáp nhập*) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số: 22/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Quy định một số nội dung về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB và TC THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN&XD.

Huannv.qđ/2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Linh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 94 /2026/QĐ-UBND

ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đơn vị thoát nước; đơn vị quản lý hệ thống thoát nước; các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Các Sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phạm vi khu vực đô thị* là toàn bộ địa giới hành chính của các phường, khu vực thuộc địa giới hành chính của xã đã được cấp thẩm quyền phân loại và công nhận là đô thị, khu vực khác thuộc địa giới hành chính của xã được xác định chức năng đô thị trong các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. *Phạm vi khu dân cư nông thôn tập trung* là ranh giới khu dân cư nông thôn được xác định trong quy hoạch nông thôn của xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung bao gồm: Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải và dẫn xả thải sau xử lý, phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 86, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 28, Điểm e Khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường năm 2025.

2. Thành phần hệ thống thoát nước bao gồm:

a) Mạng lưới đường ống, cống hay kênh mương thu gom, dẫn và vận chuyển nước mưa.

b) Mạng lưới đường ống, cống hay kênh mương thu gom, dẫn và vận chuyển nước thải.

c) Điểm đầu nối mà các hộ thoát nước xả nước vào hệ thống thoát nước công cộng, bao gồm các hố kiểm tra và ống đầu nối đến cống thoát nước.

d) Hố ga, cửa thu nước lẻ đường, giếng tách nước mưa và nước thải, cống bao, cống áp lực, cửa xả.

đ) Các trạm bơm nước thải, nước mưa và các cống liên quan đến trạm bơm.

e) Hồ điều hòa, công trình trữ nước ngầm.

g) Nhà máy xử lý nước thải tập trung và trạm xử lý nước thải phi tập trung.

h) Công trình xử lý bùn thải, bùn bể tự hoại, bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước.

3. Hệ thống thoát nước phải đảm bảo các chức năng sau

a) Thu gom nước mưa trên toàn diện tích các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung, chứa, dẫn nước mưa về nguồn tiếp nhận (*sông, suối, kênh, mương, hồ*) không để ngập úng trên đường giao thông, khu dân cư sinh sống, khu sản xuất và các công trình công cộng.

b) Thu gom nước thải từ nơi phát sinh, dẫn, chuyển tải nước thải đến các công trình xử lý, cửa xả, nguồn tiếp nhận.

c) Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận hoặc tái sử dụng theo quy định.

4. Phân loại hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước được chia làm hệ thống thoát nước chung, hệ thống thoát nước riêng và hệ thống thoát nước nửa riêng theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (*Nghị định số 80/2014/NĐ-CP*).

5. Lựa chọn loại hệ thống thoát nước

Lựa chọn hệ thống thoát nước (*chung, riêng, nửa riêng*) tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh phải căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, công nghệ xử lý, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường cụ thể của từng khu vực, đảm bảo các quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và môi trường:

a) Đối với các khu vực đô thị, dân cư nông thôn tập trung được đầu tư xây dựng mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp bắt buộc đầu tư hệ thống thoát nước riêng.

b) Đối với các khu vực đô thị hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung phải quy hoạch hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật của đô thị, ưu tiên lựa chọn hệ thống thoát nước nửa riêng.

c) Đối với các trường hợp còn lại thì tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi địa phương tổ chức lựa chọn loại hệ thống thoát nước phù hợp.

Chương II

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Chủ sở hữu công trình thoát nước và xử lý nước thải

1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường (*gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*) là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước có phạm vi thu gom, xử lý trong địa giới hành chính quản lý (trừ trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước theo Điều 4 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20/5/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý), bao gồm:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;
- c) Nhận bàn giao từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

2. Đối với công trình đầu mối thoát nước nằm trên địa giới hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, căn cứ quy mô diện tích công trình trên địa bàn từng đơn vị hành chính, đặc điểm vận hành và đặc thù lưu vực thu gom, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan thống nhất đề xuất giao 01 đơn vị làm chủ sở hữu công trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Đối với hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong các khu chức năng, giao cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao quản lý khu chức năng là chủ sở hữu.

4. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư và chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đến khi bàn giao cho chủ sở hữu theo quy định tại Điều này.

Điều 5. Quy định về đầu tư, xây dựng

Thực hiện theo quy định từ Điều 11 đến Điều 16 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (*Nghị định số 140/2025/NĐ-CP*) và các quy định như sau:

1. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới phải đảm bảo tiêu thoát nước của dự án và không làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước hiện trạng của các khu vực lân cận xung quanh phạm vi thực hiện dự án.

2. Trường hợp chủ đầu tư các công trình thoát nước không đồng thời là chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao công trình cho chủ sở hữu đảm bảo quy trình về xây dựng, bao gồm cả quy trình bảo trì công trình xây dựng sau khi đã tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng. Trường hợp chưa bàn giao được công trình cho chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm bảo trì, tạm thời quản lý, vận hành công trình xây dựng.

Điều 6. Quy định về quản lý, vận hành

1. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (*đơn vị thoát nước*) do mình quản lý. Việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Nội dung cơ bản, thời hạn hợp đồng và các nội dung liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (*Thông tư số 04/2015/TT-BXD*).

3. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa, hệ thống hồ điều hòa, hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải thực hiện theo các quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

4. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước (*trừ hộ gia đình*) xả nước thải vào hệ thống thoát nước. Nội dung hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo quy định Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

5. Tiêu chuẩn dịch vụ

Đơn vị quản lý vận hành thoát nước phải xây dựng “*Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước*” đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. “*Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước*” là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý vận hành, hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Điều 7. Quy định về xử lý nước thải tập trung, phi tập trung

1. Đối với khu vực được xử lý nước thải tập trung, nước thải phát sinh của các hộ thoát nước phải được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước thải khu vực để chuyển tải về (*Trạm*) Nhà máy xử lý nước thải tập trung, nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí xây dựng và hiệu quả vận hành hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải, đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định pháp luật; trừ trường hợp được miễn trừ đầu nối tại quy định này.

2. Tại các khu vực chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước tập trung, hộ thoát nước phải có các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung và thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 50 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*) và Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

3. Các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung được xác định, xem xét chấp thuận trong quá trình hộ thoát nước tổ chức thực hiện quy trình đầu tư xây dựng công trình.

Điều 8. Quy định về quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước; bùn thải từ bể tự hoại

Bùn thải từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ bể tự hoại được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn và các quy định tại Khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 2, Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 9. Quy định về điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng

1. Về điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải vào hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và

môi trường số 146/2025/QH15, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Việc quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 10. Quy định về trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước tổ chức lập, quản lý các cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước (*số hóa bản đồ hệ thống thoát nước*) để truy cập, quản lý, khai thác sử dụng và cung cấp thông tin phục vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và thỏa thuận đấu nối thoát nước.

2. Chủ đầu tư các công trình xây dựng có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ hoàn thành công trình; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy trình bảo trì công trình sau khi công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng cho chủ sở hữu công trình thoát nước để làm cơ sở quản lý.

3. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của tỉnh và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 11. Chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

QUY ĐỊNH ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 12. Yêu cầu về đấu nối

1. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (*Thông tư số 15/2021/TT-BXD*).

2. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước

và thực hiện đầu nối theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối.

3. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đầu nối hệ thống thoát nước.

4. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng sau khi đã có thỏa thuận đầu nối của đơn vị thoát nước.

5. Việc thiết kế, xây dựng, sửa chữa hộp đầu nối, thi công đầu nối do đơn vị thoát nước thực hiện hoặc do hộ thoát nước tổ chức thực hiện dưới sự giám sát của đơn vị thoát nước bảo đảm đúng các quy định theo thiết kế, sau khi đầu nối xong phải có biên bản nghiệm thu thi công đầu nối.

Điều 13. Cao độ điểm đầu nối

Cao độ của điểm đầu nối phải phù hợp với cao độ hệ thống thoát nước khu vực, bảo đảm cho việc thoát nước từ hộ thoát nước tới điểm đầu nối và từ điểm đầu nối tới hố kiểm tra hoặc hệ thống thoát nước chung. Cao độ điểm đầu nối được tính toán, thiết kế trong dự án xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định.

Điều 14. Thời điểm đầu nối

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đầu nối bắt buộc phải thực hiện đầu nối theo văn bản thỏa thuận đầu nối được ký kết hoặc thông báo của đơn vị thoát nước về thời gian, tiến độ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hộ thoát nước tự thực hiện đầu nối nếu quá trình thực hiện gặp khó khăn về kỹ thuật, đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và thỏa thuận với hộ thoát nước để làm cơ sở thực hiện.

2. Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đầu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đầu nối chưa phù hợp quy định thì đơn vị thoát nước chủ động lập kế hoạch điều chỉnh đầu nối cho phù hợp với điều kiện đầu nối cụ thể của từng khu vực và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

3. Đối với các hộ thoát nước thải khác (*không phải nước thải sinh hoạt*) thì phải rà soát, điều chỉnh đầu nối đảm bảo phù hợp quy định sau khi nhận được thông báo của chủ sở hữu công trình thoát nước.

Điều 15. Xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hệ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 16. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Trường hợp các hệ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; trường hợp các hệ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định bằng lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người 100 lít/người/ngày đêm ($3,0m^3/người/tháng$).

2. Đối với các loại nước thải khác: Trường hợp các hệ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; trường hợp các hệ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải (*hệ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác*).

Điều 17. Thỏa thuận và miễn trừ đầu nối

1. Thỏa thuận và miễn trừ đầu nối thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền của chủ đầu tư, hệ thoát nước; nghĩa vụ tài chính liên quan đến công tác đầu nối

1. Chủ đầu tư hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới đường cống thu gom, chuyển tải từ hộp đầu nối đến cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

2. Hệ thoát nước tự chịu kinh phí đầu tư xây dựng và quản lý công trình thoát nước thải trong phạm vi công trình, nhà ở của mình đến hộp đầu nối (*bao gồm đường ống thoát nước mưa, đường ống thoát nước thải, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đối với hộ không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, các thiết bị bảo vệ*), hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng khi thi công.

Điều 19. Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động của hệ thống thoát nước được giao quản lý, vận hành.

2. Chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc khu vực, địa bàn được phân cấp hoặc được giao đại diện chủ sở hữu quản lý.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án về tình hình đầu tư, triển khai dự án đầu tư, quản lý hoạt động thoát nước thuộc phạm vi dự án do mình làm chủ đầu tư.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 20. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

c) Thực hiện thẩm định hoặc cho ý kiến về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về giá.

d) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động thoát nước.

e) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý thoát nước đô thị và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải, bao gồm cả hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo phân cấp, phân quyền và quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Chủ trì giám sát chất lượng nước thải xả thải vào nguồn tiếp nhận, kiểm tra và xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường của các công trình thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị quản lý công trình thủy lợi

phối hợp với đơn vị vận hành hệ thống thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống ngập úng và bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường có nội dung về xả nước thải vào nguồn tiếp nhận của các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Sở Tài chính

a) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá; phối hợp cho ý kiến về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng và quy định của pháp luật về giá.

b) Tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải; là đầu mối quản lý tài chính các nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thẩm định, góp ý về mô hình, công nghệ của các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.

5. Sở Y tế

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý thu gom, xử lý nước thải tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

6. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, đơn vị quản lý cụm công nghiệp, đơn vị quản lý các khu chức năng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu chức năng thuộc phạm vi quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu.

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong phạm vi quản lý.

d) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu chức năng; tập hợp lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các công trình hệ thống thoát nước được tỉnh phân cấp; tổ chức thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.

2. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải được giao chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BXD.

3. Thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

4. Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo yêu cầu hoặc định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Quản lý tài sản hệ thống thoát nước (*gồm thu thập thông tin, số liệu và xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước do mình quản lý*) và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước trong ngắn hạn và dài hạn.

2. Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị thoát nước.

3. Tổ chức xây dựng quy chế phối hợp, giám sát, nghiệm thu và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

4. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải đến hộp đấu nối hệ thống thoát nước.

5. Ban hành, đề xuất, kiến nghị các giải pháp, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy đầu nối vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình quản lý.

6. Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tổ chức các chương trình thông tin - giáo dục - truyền thông về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước trên địa bàn.

7. Cung cấp thông tin về cao độ nền khu vực thoát nước cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước đồng bộ, không ngập úng.

8. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi hệ thống thoát nước do mình quản lý. Báo cáo về Sở Xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, vận hành hệ thống thoát nước định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 6 và Điều 18 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2021/TT-BXD.

2. Thực hiện trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới; kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới; thực hiện quan trắc chất lượng nước trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa đúng quy định. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền nếu có các vi phạm, hạn chế.

c) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

d) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

đ) Xây dựng quy trình vận hành, bảo trì, bảo vệ hồ điều hòa, trạm bơm, hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa.

e) Vận hành các công trình thoát nước qua hệ thống công trình thủy lợi, đê điều (*cống qua đê, đường ống, trạm bơm*) phải tuân theo quy định pháp luật về thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai.

g) Thiết lập kênh tiếp nhận và xử lý nhanh các phản ánh về sự cố liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

h) Thực hiện bảo vệ, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các trường hợp vi phạm về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

Điều 24. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước

Thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau

a) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (*nếu có*) đến điểm đầu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.

b) Thông báo thời điểm thi công đầu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đầu nối đúng quy định.

c) Thực hiện đúng biên bản thỏa thuận đầu nối thoát nước, chịu sự kiểm tra, giám sát của đơn vị thoát nước và các đơn vị có liên quan đảm bảo chất lượng công tác đầu nối theo quy định.

d) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.